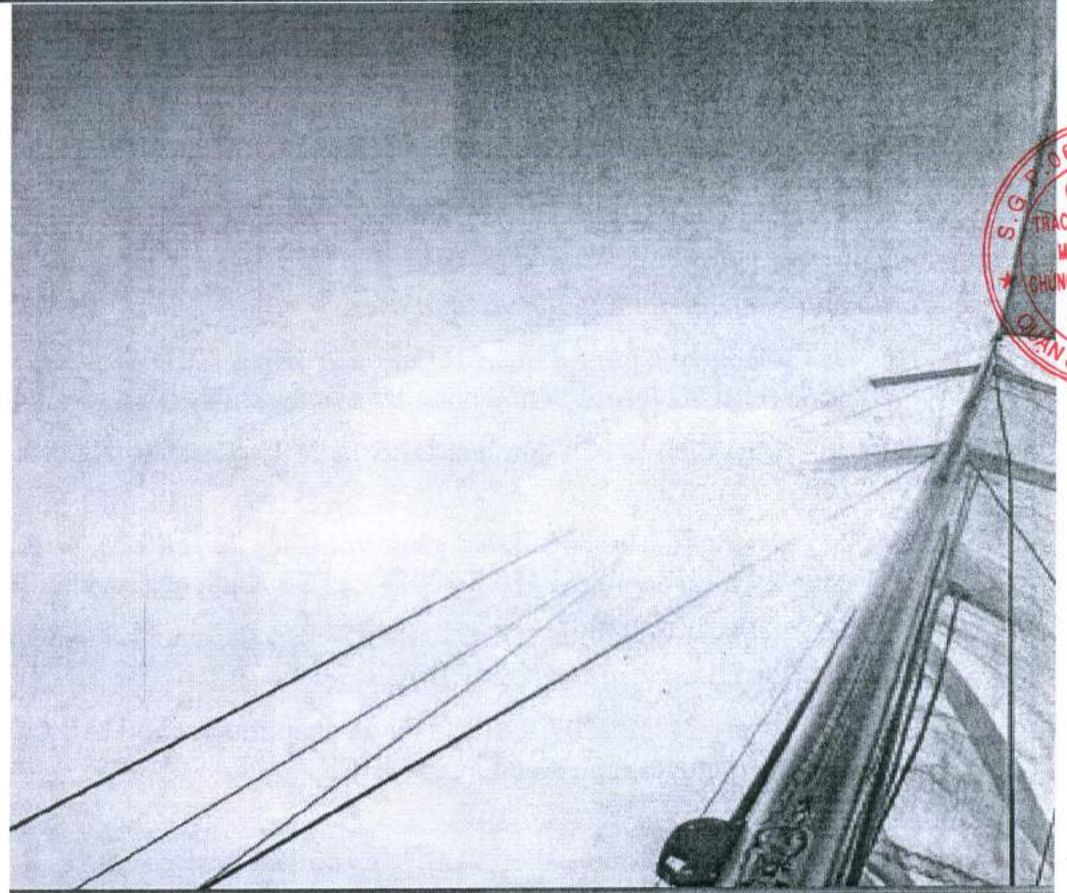


2015

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN



CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
Năm báo cáo: 2015

I. Thông tin chung:

1. Thông tin khái quát:

- Tên giao dịch: Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS)
- Giấy phép hoạt động kinh doanh số: 12/GPHĐKD ngày 20/05/2003 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Vốn điều lệ: 500.000.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 500.000.000.000 đồng.
- Địa chỉ: Tầng 2 và tầng 3, Tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Quận 3, TP. HCM.
- Số điện thoại: (08) 38 336 333
- Số fax: (08) 38 333 891
- Website: www.dag.vn

2. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh số 12/GPHĐKD ngày 20/05/2003.

Vốn điều lệ ban đầu của DAS là 21 tỷ đồng, do Ngân hàng TMCP Đông Á sở hữu 100% vốn.

Ngày 05/10/2006, DAS tăng vốn điều lệ lên 135 tỷ đồng, theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4104000059 của Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM.

Ngày 13/09/2006, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS thành lập Chi nhánh Hà Nội theo Quyết định số 574/QĐ-UBCK.

Ngày 21/11/2007, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS thành lập Chi nhánh Đông Sài Gòn theo Quyết định số 640/QĐ-UBCK.

Ngày 12/05/2008, UBCKNN đã chấp thuận cho DAS tăng vốn điều lệ từ 135 tỷ đồng lên 500 tỷ đồng, theo Giấy phép số 128/UBCK-GP.

Ngày 22/01/2015 UBCKNN đã chấp thuận cho DAS di dời trụ sở chính đến Tầng 2 và 3 tòa nhà 468 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường 2, Quận 3 TP.HCM theo Quyết định số 06/GPĐC-UBCK, thay đổi tên và địa chỉ Chi nhánh Đông Sài Gòn thành Chi nhánh Sài Gòn địa chỉ 60, 62, 64, 66, 68, 70 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, theo Quyết định số 54/QĐ-UBCK.

Ngày 31/12/2015 UBCKNN đã chấp thuận cho DAS rút nghiệp vụ bảo lãnh phát hành chứng khoán theo Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCKNN.

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

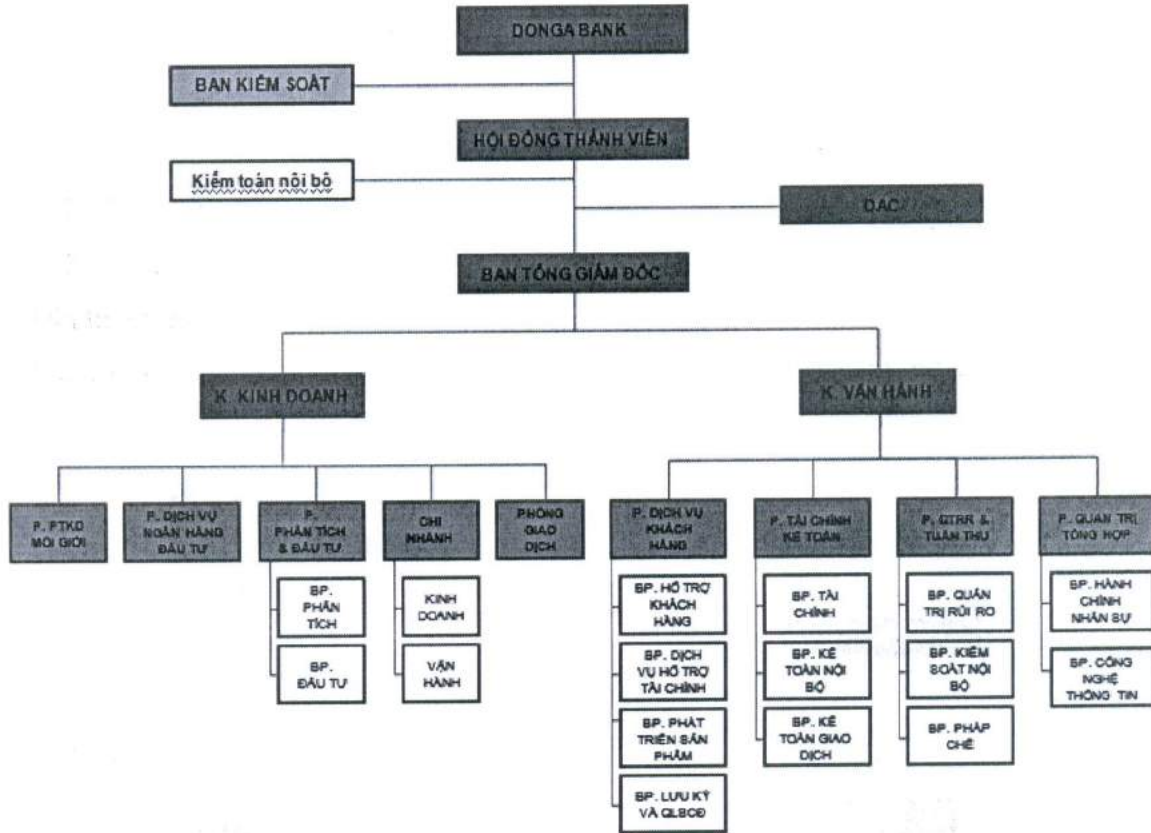
Theo Giấy phép số 128/UBCK-GP và Giấy phép điều chỉnh số 59/GPĐC-UBCKNN, DAS được phép thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán bao gồm:

- ❖ Môi giới chứng khoán

- ❖ Tự doanh chứng khoán
- ❖ Tư vấn đầu tư chứng khoán

Địa bàn kinh doanh: Toàn quốc

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:



5. Định hướng phát triển:

Năm 2016 được kỳ vọng nền kinh tế Việt Nam tiếp tục tăng trưởng khả quan. Bloomberg dự báo Việt Nam sẽ đạt tốc độ tăng trưởng 6,6% và là nền kinh tế tăng trưởng mạnh nhất Đông Nam Á. WB cũng đánh giá tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2016 là 6,6%. Kinh tế tăng trưởng đồng nghĩa hoạt động của các doanh nghiệp khởi sắc, tạo ra cơ hội cho thị trường cung cấp dịch vụ của các tổ chức tư vấn tài chính.

Với nhận định tình hình thị trường sẽ có những diễn biến tích cực, Ban lãnh đạo Công ty định hướng sẽ đẩy mạnh mảng Nghiệp vụ Kinh doanh Môi giới, giữ vững thế mạnh của DAS tại mảng Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư, trong khi vẫn tiếp tục tái cấu trúc danh mục đầu tư. Cụ thể:

▪ **Hoạt động Môi giới:**

- Tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua việc mở rộng khai thác các lợi thế của Công ty. Phát triển đa dạng, phong phú các dịch vụ hỗ trợ, đi kèm với hoạt động môi giới. Phát triển đội ngũ nhân viên môi giới có trình độ chuyên môn cao, có lượng khách hàng lớn và giao dịch thường xuyên đặc biệt là thu hút nhân viên môi giới thông qua các chính sách ưu đãi phù hợp.

- Phối hợp với DongA Bank và các Ngân hàng, tổ chức tài chính khác để đa dạng hóa sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ tài chính (ứng trước, cho vay cầm cố chứng khoán niêm yết...).
- Triển khai các chương trình ưu đãi giao dịch để khuyến khích gia tăng giao dịch của khách hàng môi giới theo từng thời kỳ, mang tính cạnh tranh hơn.

▪ **Dịch vụ Ngân hàng đầu tư (IB):**

- Tiếp tục duy trì thế mạnh truyền thống trong mảng Nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư, đẩy mạnh các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp, đặc biệt là nghiệp vụ tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.
- Đẩy mạnh công tác quảng bá, giới thiệu dịch vụ để tìm kiếm khách hàng mới. Triển khai hoạt động marketing giới thiệu dịch vụ IB cho các đối tượng khách hàng là doanh nghiệp nhà nước, công ty đại chúng, công ty niêm yết...
- Củng cố và phát huy mối quan hệ với các cơ quan ban ngành để tiếp tục triển khai chào dịch vụ IB (định giá, tư vấn cổ phần hóa, IPO...) tại các địa phương, bộ ngành thực hiện;
- Phối hợp DongA Bank cùng cung cấp dịch vụ cho khách hàng hoặc cung cấp các dịch vụ nội bộ cho DongA Bank và các đơn vị trong hệ thống như: định giá doanh nghiệp, định giá tài sản, phát hành trái phiếu...

▪ **Hoạt động Đầu tư tự doanh:**

- Tiếp tục tái cấu trúc danh mục đầu tư nhằm thu hồi vốn phục vụ cho các hoạt động dịch vụ khác tại DAS, đặc biệt thanh lý các khoản đầu tư tồn đọng trong nhiều năm và không hiệu quả.

6. *Các rủi ro*

Năm 2016 tuy có nhiều dự báo khả quan hơn về tình hình kinh tế vĩ mô, cũng như triển vọng của thị trường chứng khoán, nhưng việc dự phòng và đánh giá đầy đủ các yếu tố rủi ro tiềm ẩn vẫn sẽ luôn là điều cần thiết trong công tác quản trị, điều hành hoạt động kinh doanh tại các công ty chứng khoán.

▪ **Rủi ro kinh tế**

- Bên cạnh những thuận lợi, kinh tế năm 2016 vẫn còn nhiều rủi ro đến từ môi trường chính sách trong nước. Trong đó, có thể kể đến áp lực đối với tỷ giá và lãi suất trong nước khi USD và lãi suất ở Mỹ tăng... Ngoài ra, rủi ro lạm phát do thâm hụt ngân sách Nhà nước kéo dài khiến tăng giá các mặt hàng, dịch vụ nhà nước kiểm soát giá; tăng lương, chi phí cho doanh nghiệp.
- Ngoài ra năm 2016 còn một số rủi ro tác động đến kinh tế Việt Nam như đà phục hồi chậm của các quốc gia phát triển, xu hướng rút vốn khỏi các thị trường mới nổi, giá nhiều mặt hàng trên thị trường thế giới giảm, bao gồm các mặt hàng xuất khẩu chính của Việt Nam.

▪ **Rủi ro thị trường:**

- Xu hướng thị trường chứng khoán trong năm 2016 được dự báo sẽ có nhiều chuyển biến tích cực hơn so với năm 2015, do quan điểm tích cực hơn về kinh tế vĩ mô, biên lợi nhuận của các doanh nghiệp cải thiện và chính sách kích thích kinh tế ở một số nền kinh tế phát triển.

- Tuy xu hướng thị trường năm 2016 được dự báo khá tích cực, nhưng thị trường chứng khoán Việt Nam nói chung vẫn còn là thị trường khá non trẻ và thường bị tác động mạnh bởi những yếu tố tiêu cực bên ngoài. Như sự kiện giảm giá của giá dầu thế giới tác động mạnh đến thị trường chứng khoán Việt Nam. Vì vậy, DAS vẫn sẽ tập trung theo sát diễn biến tình hình thị trường và có những phân tích, đánh giá cập nhật xu hướng biến động của thị trường, để có định hướng và chiến lược kinh doanh linh hoạt, phù hợp với từng kịch bản khác nhau có thể xảy ra.

▪ **Rủi ro hoạt động:**

- Do đặc thù ngành, các công ty chứng khoán có thể đối mặt với các rủi ro trong quá trình hoạt động, khi thực hiện các nghiệp vụ kinh doanh. Các rủi ro này nếu không được kiểm soát hiệu quả có thể gây tổn thất cả về tài chính và uy tín đối với các công ty.
- Để hạn chế các rủi ro, DAS rất chú trọng và có sự đánh giá, chọn lọc rất kỹ lưỡng ngay từ khâu đầu vào. Ngoài ra, công ty cũng liên tục đào tạo, nâng cao trình độ nghiệp vụ của bộ phận chuyên trách quản trị rủi ro, đồng thời thiết lập những quy định phân định rõ quyền hạn và trách nhiệm của mỗi cá nhân, mỗi bộ phận nhằm quản lý một cách chặt chẽ và hiệu quả các rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của công ty.

▪ **Rủi ro thanh toán:**

- Rủi ro do yếu tố thanh khoản của thị trường đã tiếp tục giảm đáng kể trong năm 2015, cùng với tình trạng ổn định dần của nền tài chính – tín dụng, và quá trình siết chặt quản lý các công ty chứng khoán yếu kém của các cơ quan chuyên ngành.
- DAS cam kết tuân thủ chặt chẽ các quy định về quản lý tài khoản nhà đầu tư và quy định về xây dựng hệ thống quản trị rủi ro của cơ quan quản lý. Bên cạnh đó, ở góc độ hoạt động kinh doanh của công ty, DAS luôn kiểm soát nghiêm ngặt các nghiệp vụ liên quan, nhằm đảm bảo mức độ an toàn cao nhất cho tài khoản của các nhà đầu tư, cũng như đảm bảo năng lực thanh toán của công ty đối với các nghiệp vụ kinh doanh trên thị trường chứng khoán.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Tổng doanh thu của toàn Công ty năm 2015 đạt 56,43 tỷ đồng, giảm 7,93% so với cùng kỳ năm 2014 và thực hiện được 89,6% so với kế hoạch năm 2015.

Tổng chi phí hoạt động kinh doanh và chi phí quản lý doanh nghiệp của toàn Công ty năm 2015 là 137,95 tỷ đồng, giảm 44% so với cùng kỳ năm ngoái. Trong đó phần lớn là chi phí từ lỗ do trích lập dự phòng đầu tư và hạch toán xử lý tổn động tài chính từ năm 2013 trở về trước (bằng hình thức lỗ do thoái vốn đầu tư, dự phòng phải thu khó đòi...), tổng chi phí dự phòng đầu tư và xử lý tổn động tài chính từ năm 2013 trở về trước hạch toán trong năm 2015 là 105,39 tỷ đồng, chiếm đến 76,4% tổng chi phí năm 2015 của Công ty.

Cả năm 2015, theo số liệu trên Báo cáo tài chính, Công ty lỗ 81,52 tỷ đồng. Tuy nhiên, nếu loại bỏ chi phí trích lập dự phòng và các khoản hạch toán xử lý tài chính tổn

7
G 1
M
ANH
NN
NG
PH

động từ năm 2013 trở về trước thì Công ty đạt lợi nhuận là 25,61 tỷ đồng, đạt 89,7% kế hoạch năm 2015, giảm 19,8% so với năm 2014.

▪ **Hoạt động Môi giới:**

- Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 trải qua nhiều đợt sóng tăng giảm khá mạnh. Đã có lúc, thị trường bứt phá nhờ kỳ vọng nới room, tăng sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài, nhưng cũng có lúc rớt mạnh bởi sóng gió giá dầu quốc tế, rồi biến động đồng USD, lãi suất... Tuy nhiên nhìn chung năm 2015 là một năm “mất mát” với phần lớn nhà đầu tư khi trường kết thúc năm với sự điều chỉnh và thanh khoản sụt giảm mạnh.
- Nguồn vốn công ty dùng giải ngân các dịch vụ hỗ trợ tài chính còn thiếu và không ổn định. Chính những yếu tố trên đã làm cho doanh thu từ hoạt động môi giới của DAS chỉ đạt 22,48 tỷ đồng, giảm mạnh (10,3%) so với năm 2014.

▪ **Hoạt động Đầu tư tự doanh:**

- Thị trường chứng khoán Việt Nam năm 2015 đã trải qua nhiều cơn sóng ấn tượng, chỉ số VN-Index đạt đỉnh 641 điểm vào thời điểm giữa tháng 7, tương đương mức tăng trưởng hơn 21,8% so với mức 526 điểm vào thời điểm đầu năm. Việc chính thức ký kết FTA giữa Việt Nam và Liên minh kinh tế Á Âu (ngày 29/05) đã tác động mạnh đến thị trường.
- Tuy nhiên, từ đầu tháng 11 đến cuối năm 2015, VN-Index bước vào xu hướng điều chỉnh giảm từ đỉnh 617 với thanh khoản âm ảm. Việc FED đã nhất trí nâng lãi suất lần đầu tiên trong gần 1 thập kỷ, từ mức 0 – 0,25% lên 0,25 – 0,5% và cú trượt dốc của giá dầu thô thế giới vẫn chưa có dấu hiệu dừng lại, xuống gần mức thấp kỷ lục của năm 2008, giao dịch quanh mốc dưới 40 USD/thùng và đang làm dấy lên những lo ngại có thể rơi về mức 20USD/thùng đã ảnh hưởng lớn đến tâm lý chung của thị trường, đặc biệt là nhóm cổ phiếu dầu khí. Kết thúc năm 2015 VN-Index đóng phiên giao dịch cuối năm tại mức 579,9 điểm, tăng 10,2% so với đầu năm.
- Thị trường giao dịch của cổ phiếu chưa niêm yết (OTC) vẫn tiếp tục trong tình trạng gần như bị đóng băng và chưa có dấu hiệu khởi sắc, trừ một số cổ phiếu có kế hoạch niêm yết được sự quan tâm hơn của nhà đầu tư.
- Với những điều kiện như vậy trong năm DAS đã thực hiện thoái vốn với tổng giá trị thoái vốn và lãi cổ tức nhận được là 8,6 tỷ đồng, tăng 10,97% so với năm trước.

▪ **Hoạt động phân tích và tư vấn đầu tư:**

Hoạt động phân tích hướng đến các mục tiêu hàng đầu là đánh giá cơ hội đầu tư và tư vấn đầu tư cho khách hàng Môi giới. Bên cạnh đó, các bài phân tích cũng là tư liệu để xây dựng và hoàn thiện sản phẩm Data web của công ty. Ngoài các bài báo cáo phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô, chiến lược đầu tư, các sản phẩm phân tích còn tập trung phân tích sâu vào các ngành nghề tiềm năng, có nhiều triển vọng như: Dệt may, ô tô, bất động sản, điện năng,... nhằm đáp ứng kịp thời nhu cầu đầu tư đa dạng của khách hàng và phục vụ đặc lực cho hoạt động Tư vấn đầu tư,... Đồng thời, các bộ phận nghiệp vụ cũng tích cực tiếp xúc, gặp gỡ và trao đổi sâu về tình hình hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp tiềm năng để cung cấp những báo cáo có giá trị tư vấn cho khách hàng.

▪ **Dịch vụ Ngân hàng đầu tư:**

Năm 2015, DAS tiếp tục là một trong những công ty dẫn đầu về Dịch vụ Ngân hàng đầu tư với đội ngũ chuyên gia giàu kinh nghiệm, có kiến thức sâu rộng; hệ thống mạng lưới khách hàng và đối tác rộng lớn; hướng đến các phương pháp tiếp cận khoa học, hiện đại, phù hợp với quy định pháp luật và thông lệ quốc tế. DAS đã tạo lập niềm tin về chất lượng dịch vụ cho khách hàng khi lựa chọn DAS là đơn vị tư vấn cung cấp các dịch vụ Ngân hàng đầu tư. Doanh thu dịch vụ Ngân hàng đầu tư của DAS trong năm 2015 là 9,23 tỷ đồng.

Với mục tiêu đảm bảo lợi ích và đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, DAS luôn duy trì chiến lược đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ, phù hợp với thị trường Việt Nam như tư vấn tái cấu trúc, tư vấn tài chính, tư vấn cổ phần hóa, M&A,... Một số dự án tiêu biểu DAS thực hiện trong năm 2015 như:

- Tư vấn thoái vốn của SCIC tại các công ty cổ phần trong khu vực Đông và Tây Nam Bộ; tư vấn cho Tổng Công ty Liksin, Tổng Công ty SAMCO và Tổng Công ty Nông nghiệp Sài Gòn thoái vốn tại các đơn vị thành viên.

- Đang thực hiện tư vấn tái cấu trúc, tư vấn quản trị một số công ty, điển hình như: Công ty Cổ phần Cấp nước Nhà Bè, Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng – Long Bình, Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái...

- Thực hiện tư vấn niêm yết/đăng ký giao dịch cổ phiếu cho Công ty Cổ phần Sợi Thép Kỹ (HOSE), Công ty Cổ phần Công trình Đô thị Bến Tre (UPCOM), Công ty Cổ phần Cấp nước Tân Hòa (UPCOM)...

- Trong năm 2015, DAS vinh dự tiếp tục là công ty chứng khoán được Bộ Tài chính cấp phép thực hiện nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. DAS tiếp tục cung cấp dịch vụ tư vấn định giá, cổ phần hóa và IPO cho hầu hết các doanh nghiệp do UBND Tp.HCM quản lý và các doanh nghiệp thuộc địa phương, bộ ngành khác ví dụ như:

- + Công ty Phát triển và Kinh doanh nhà
- + Công ty Dược phẩm và Sinh học Y tế
- + Công ty Phát Triển Khu Công Nghiệp Sài Gòn
- + Công ty Công Trình Cầu Phà TP.HCM
- + Công ty Công Trình Giao Thông Sài Gòn
- + Công ty Chiếu Sáng Công Cộng TPHCM
- + Công ty Thương mại Sài Gòn 5
- + Công ty Đầu tư và Phát triển Kỳ Hà Chu Lai Quảng Nam.
- + Công ty Môi trường Đô thị Quảng Nam.
- + Công ty Cấp nước Phú Yên.
- + Công ty Dịch vụ Vận tải Khánh Hòa.
- + Công ty Xuất khẩu Thủy sản Khánh Hòa.
- + Công ty Du lịch Khánh Hòa.
- + Công ty Cấp nước Huế.

Y
/
/
/
/
/
/
/
/
/
/

- + Công ty Dịch vụ Đô thị Thành phố Đà Lạt.
- + Công ty Công trình Đô thị Mỹ Tho.
- + Công ty Cấp nước Bình Phước.
- + Tổng Công ty Thiết bị Y tế Việt Nam.

Năm 2015, DAS vinh dự được Sở Giao dịch chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh khen tặng có thành tích đứng đầu trong Top 5 công ty chứng khoán thành viên tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ tư vấn niêm yết và đấu giá.

Năm 2016, DAS sẽ tiếp tục vươn lên khẳng định vị thế là một trong những công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

▪ **Hoạt động Lưu ký chứng khoán và Quản lý sổ cổ đông:**

Trong năm 2015 Bộ phận Lưu ký & Quản lý sổ cổ đông đã hoàn thành tốt kế hoạch đề ra và các nhiệm vụ được giao, thực hiện tốt các nghiệp vụ quan trọng một cách nhanh chóng, chính xác và hiệu quả như lưu ký cổ phiếu, đăng ký quyền mua cổ phiếu, chuyển quyền sở hữu, thành toán bù trừ chứng khoán, cập nhật thông tin quyền kíp thời đến với nhà đầu tư,... góp phần tích cực vào việc nắm bắt thông tin duy trì vận hành an toàn và ổn định thông suốt hệ thống giao dịch chứng khoán của Công ty.

Tuy năm 2015 là một năm mà nền kinh tế có những khó khăn nhất định nhưng bộ phận Lưu ký và Quản lý sổ cổ đông của công ty đã cố gắng nâng cao chất lượng dịch vụ quản lý cho khách hàng một cách tốt nhất, góp phần đem lại doanh thu của Công ty trong năm là hơn 1,6 tỷ đồng.

2. *Tổ chức và nhân sự:*

2.1. *Danh sách Ban điều hành:*

❖ **Ông Bùi Việt – Tổng Giám đốc**

- Từ năm 2002 đến 31/12/2015:
 - Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
 - Chủ tịch HĐQT Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á (từ 2007 đến 2016)
 - Thành viên HĐQT CTCP Bến xe Miền Tây (từ 2005 đến 2015)
 - Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Bến Thành (từ 2006 đến 2015)
 - Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân (từ 2006 đến 2015)
 - Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Nhà Bè (từ 2006 đến 2015)
 - Thành viên HĐQT CTCP Đầu tư – Xây dựng và Kinh doanh nhà Sài Gòn (Nhiệm kỳ 2005-2010, 2010-2015)
 - Phó Chủ tịch HĐQT CTCP In và Thương mại Vina (từ 2006 đến 2015)
- Từ năm 2000 đến năm 2002: Trưởng Bộ phận Quản lý danh mục đầu tư Việt Nam – Lào – Campuchia, Tập đoàn Tài chính Quốc tế IFC, thuộc Ngân hàng Thế giới (WB).

- Từ năm 1999 đến năm 2000: Trưởng bộ phận Hợp tác kinh doanh với các định chế tài chính, Ngân hàng Citibank tại Việt Nam.
- Từ năm 1988 đến năm 1994: Trưởng phòng Kế hoạch Công ty Điện tử Sài Gòn.

❖ **Bà Trương Nguyễn Thiên Kim – Phó Tổng Giám đốc**

- Từ năm 2003 đến nay:
 - Từ năm 2014 đến nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
 - Từ năm 2007 đến năm 2014: Giám đốc Tài chính Doanh nghiệp Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
 - Từ năm 2004 đến năm 2007: Trưởng khối Dự án - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
 - Từ năm 2003 đến năm 2004: Phụ trách Kế toán - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
 - Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Bến Thành (Nhiệm kỳ 2006-2012, 2012-2017)
 - Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Gia Định (Nhiệm kỳ 2006-2012, 2012-2017)
 - Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Phú Hòa Tân (từ 2014 đến nay)
 - Thành viên HĐQT CTCP Cấp nước Nhà Bè (từ 2014 đến nay)
 - Trưởng BKS CTCP In và Thương mại Vina (Nhiệm kỳ 2006-2011, 2011-2016)
 - Trưởng BKS Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (Nhiệm kỳ 2007-2012)
 - Thành viên BKS Công ty Cổ phần Bến xe miền Tây (Nhiệm kỳ 2005-2011, 2011-2016)
- Từ năm 2000 đến năm 2003: Chuyên viên - Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Việt.
- Từ năm 1998 đến năm 2000: Kế toán - Công ty May Xuất Nhập khẩu Chợ Lớn.
- Từ năm 1997 đến năm 1998: Nhân viên Nghiên cứu thị trường – Công ty BDT & Associates Market Research
- Từ năm 1996 đến năm 1997: Nhân viên Kiểm soát Chất lượng, Phòng vận viên - Trung tâm nghiên cứu và ứng dụng khoa học kinh tế Cesais-Trường Đại học Kinh tế T.P Hồ Chí Minh.

❖ **Ông Phạm Thái Bình – Phó Tổng Giám đốc**

- Từ 2014 đến 07/10/2015:
 - Phó Tổng Giám đốc Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

- Thành viên HĐQT CTCP Vật tư tổng hợp và Phân bón Hóa sinh (từ 04/2015 đến 10/2015)
- Thành viên BKS CTCP Cấp nước Nhà Bè (từ 2014 đến 2015)
- Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bến xe miền Tây (từ 07/2015 đến 10/2015).
- Từ năm 2013 đến 2014:
 - Phó ban Dự án “Đổi mới Công ty Chứng khoán Đông Á và Công ty Quản lý quỹ Đông Á”
 - Chuyên viên Quản lý chiến lược - Ủy ban Xây dựng và Thực hiện Chiến lược, Ngân hàng TMCP Đông Á.
- Từ năm 2011 đến năm 2013: Trưởng phòng Nghiên cứu và Phân tích, Công ty Cổ phần Chứng khoán Vina.
- Từ năm 2010 đến năm 2011: Giám đốc Đầu tư, TIM Investment and Management Consulting.
- Từ năm 2008 đến năm 2010: Quản trị viên tập sự, Ngân hàng OCBC – Singapore.
- Từ năm 2006 đến năm 2008: Chuyên viên Phân tích dữ liệu, Global Foundries – Singapore.

❖ **Bà Võ Thị Minh Ngân – Kế toán trưởng**

- Từ tháng 11/2014 đến nay: Kế toán trưởng Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2009 đến năm 2014: Kế toán trưởng Công ty Quản lý quỹ Đông Á
- Từ năm 2006 đến năm 2009: Chuyên viên Kế toán Tổng hợp - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2004 đến năm 2006: Kế toán trưởng Công ty TNHH XD - DV An Thiên Lý

❖ **Bà Trần Thụy Kim Ly – Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn**

- Từ năm 2015 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Sài Gòn - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2012 đến năm 2014: Phó Giám đốc Phát triển Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2010 đến năm 2012: Trưởng nhóm Phát triển Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2009 đến năm 2010: Chuyên viên chính Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2007 đến năm 2009: Chuyên viên Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2006 đến năm 2007: Nhân viên nghiệp vụ Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á

- Từ năm 2005 đến năm 2006: Nhân viên Môi giới - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2004 đến năm 2005: Thư ký tại Công ty TNHH MTV Liên Minh
- Từ năm 2004 đến năm 2005: Thư ký kế toán tại Sheraton Hotels & Tower

❖ **Bà Nguyễn Văn Giang – Giám đốc Chi nhánh Hà Nội**

- Từ năm 2014 đến nay: Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2013 đến năm 2014: Phó Giám đốc Chi nhánh Hà Nội - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2012 đến năm 2013: Trưởng nhóm Nghiệp vụ Môi giới Chi nhánh Hà Nội - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2007 đến năm 2012: Chuyên viên Môi giới Chi nhánh Hà Nội - Công ty Chứng khoán Ngân hàng Đông Á
- Từ năm 2006 đến năm 2007: Nhân viên Kế toán - Công ty Coustruction & Engineering Ghoulting.
- Từ năm 2002 đến năm 2004: Nhân viên Kế toán - Công ty IDP Education Australia (VN).

2.2. *Những thay đổi trong Ban điều hành:*

- Miễn nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty của ông Bùi Việt kể từ ngày 02/01/2016.
- Miễn nhiệm Chức danh Phó Tổng Giám đốc đối với Ông Phạm Thái Bình từ ngày 07/10/2015.

2.3. *Số lượng cán bộ, nhân viên.*

Tổng số nhân viên đang làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 là 77 người (năm 2014 là 79 người).

Để thực hiện định hướng phát triển bền vững, DAS luôn khuyến khích và hỗ trợ CBNV trong việc nâng cao kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin thường xuyên liên tục để phục vụ tốt nhất cho công việc. Các nhân viên nghiệp vụ đều được trang bị đầy đủ kiến thức về chứng khoán và thị trường chứng khoán, và được UBCKNN cấp chứng chỉ hành nghề. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên tổ chức các buổi đào tạo nội bộ để phát huy kỹ năng giao tiếp, tư duy sáng tạo, kỹ năng giải quyết vấn đề cho CBNV.

Song song với công tác đào tạo về chuyên môn nghiệp vụ, Công ty cũng rất chú trọng việc phổ biến các giá trị cốt lõi của DongA Bank kết hợp với các đặc trưng văn hóa của Công ty nhằm đạt được mục tiêu chung của tập đoàn.

3. *Tình hình đầu tư tại công ty con*

DAS có 01 công ty thành viên là Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á (DAC) với tỷ lệ sở hữu 100% vốn.

- Vốn điều lệ: 30 tỷ đồng.

- Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán và Quản lý danh mục đầu tư chứng khoán.
- DAC được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước phê duyệt tạm ngưng hoạt động kể từ ngày 23/01/2015 đến ngày 23/01/2016 theo Quyết định số 59/QĐ-UBCK ngày 23/01/2015, lý do: tạm ngừng hoạt động tự nguyện. Hiện nay DAC đã nộp hồ sơ xin gia hạn tạm ngưng hoạt động và đang chờ Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Tình hình tài chính

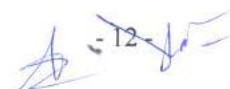
4.1. Tình hình tài chính

Đơn vị: VNĐ

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản	437.196.050.653	342.905.560.078	-21,57%
Doanh thu thuần	61.269.228.038	55.698.337.486	-9,09%
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	(184.649.800.367)	(82.254.056.538)	-55,45%
Lợi nhuận khác	15.454.545	727.272.727	4.606%
Lợi nhuận trước thuế	(184.634.345.822)	(81.526.783.811)	-56%
Lợi nhuận sau thuế	(184.634.345.822)	(81.526.783.811)	-56%

4.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2014	Năm 2015	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn:	2,17	1,77	
+ Hệ số thanh toán nhanh:	2,17	1,77	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,35	0,41	
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,55	0,70	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,14	0,16	
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-301,35%	-146,37%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	-65,31%	-40,53%	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	-42,23%	-23,78%	
+ Hệ số Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	-301,37%	-147,68%	



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

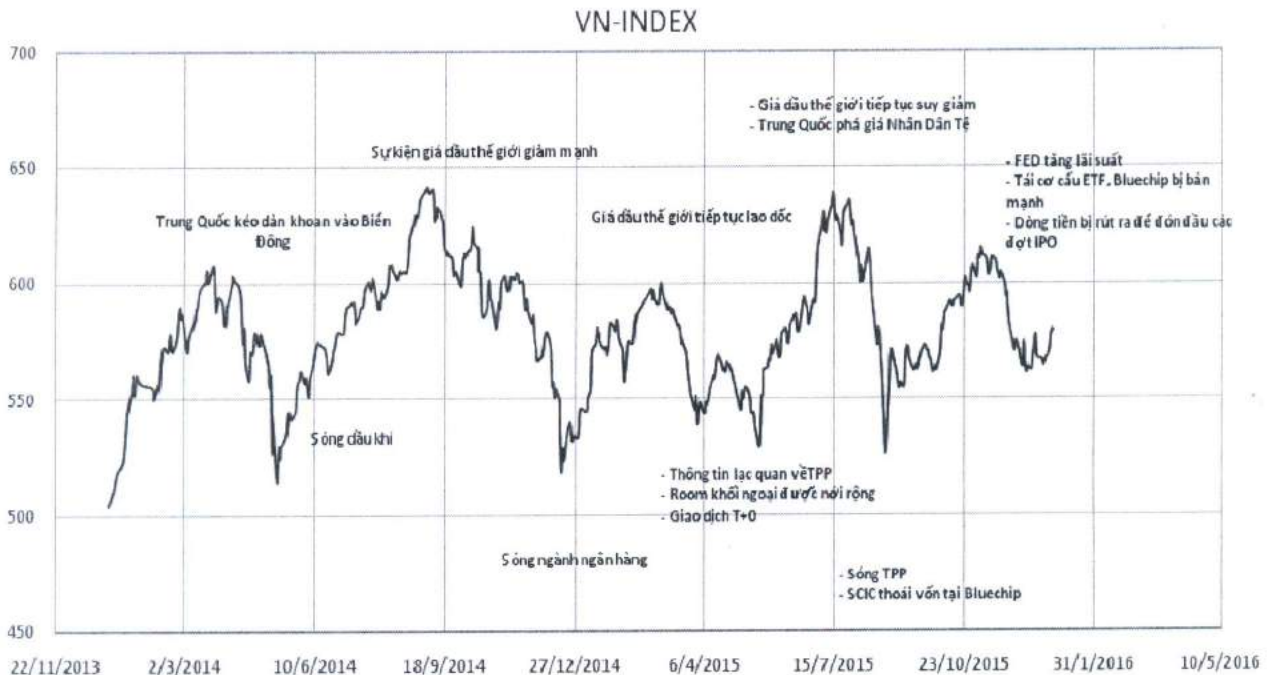
1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Năm 2015, kinh tế Việt Nam tiếp tục đánh dấu thêm một bước phát triển vượt trội khi mà nền kinh tế thế giới vẫn chưa thật sự phục hồi bền vững trở lại:

- Tốc độ tăng trưởng GDP 2015 đạt mốc 6,7%, tăng 8,9% so với năm 2014, cao hơn nhiều các nước trong ASEAN (Malaysia: 4,7%, Thái Lan: 2,8%, Singapore: 2,1%,...) nhờ tiếp tục tập trung tăng trưởng xuất khẩu vào thị trường Mỹ đang dần phát triển trở lại. Việt Nam là nước xuất khẩu sang thị trường Mỹ nhiều nhất trong khu vực.
- Chỉ số giá tiêu dùng cả năm tăng 2% so với 2014, cao hơn mức 1,84% năm 2014, các chỉ số giá hàng hóa chủ yếu tăng chậm, giá nguyên liệu giảm mạnh.
- Nếu như năm 2014, kiểm soát tỷ giá chỉ tăng 1% cùng mặt bằng lãi suất giảm mạnh và dần ổn định ở mức 6%/năm thì sang năm 2015, tỷ giá thật sự là cú sốc cho nền kinh tế khi bị mất giá đến 5% do Trung Quốc phá giá đồng Nhân dân tệ và đồng USD mạnh lên.
- Năm 2015 được đánh giá là sự thành công trên chính trường của Việt Nam khi hàng loạt các hiệp định thương mại được ký kết, tạo ra tiềm năng cơ hội phát triển mạnh mẽ trong thời gian tới: Hiệp định thương mại TPP – chiếm 40% tổng GDP toàn cầu được đàm phán thành công và chính thức ký kết vào ngày 04/02/2016, cộng đồng AEC ra đời 31/12/2015,...

Cùng với những chuyển biến tích cực của nền kinh tế, thị trường chứng khoán (TTCK) Việt Nam đã khởi sắc trong năm và khép lại với những nổi bật như sau:

- TTCK Việt Nam năm 2015 trải qua nhiều biến động, VN-Index vẫn dao động trong vùng 500-650 điểm với 3 đợt sóng lớn cùng nhiều sự kiện ảnh hưởng đến dòng vốn thị trường như Hiệp định TPP đàm phán thành công, giá dầu tiếp tục lao dốc mạnh, các đợt thoái vốn của SCIC, FED tăng lãi suất, Trung Quốc phá giá RMB,...
- Xét chung cả năm 2015, VN-Index đã tăng 6,1%, HNX-Index đã giảm 3,6% so với cuối năm 2014, thời điểm cao nhất VN-Index đã tăng gần 17,5%



A.V.

- Năm 2015 đánh dấu nhiều hoạt động cải cách và đổi mới thị trường chứng khoán hướng đến việc phát triển bền vững, tăng tính minh bạch cũng như đảm bảo chức năng huy động vốn hiệu quả cho doanh nghiệp. Nhiều chính sách tích cực được ban hành như: Nghị định 60/2015/NĐ-CP và Thông tư 123/2015/TT-BTC cho phép nới room 100% cho nhà đầu tư nước ngoài, Nghị định 42/2015/NĐ-CP đặt nền móng cho chứng khoán phái sinh, Thông tư 203/2015/TT-BTC về rút ngắn thời gian giao dịch T+; trên kênh trái phiếu, cho phép phát hành trở lại trái phiếu kỳ hạn dưới 5 năm,... Bên cạnh đó là các hoạt động kiểm soát dòng vốn thị trường như Thông tư 36/2014/TT-NHNN có hiệu lực từ tháng 2/2015.
- Việc ban hành hành lang pháp lý nhằm tái cấu trúc TTCK được đẩy mạnh như Thông tư 180/2015/TT-BTC về việc quy định các công ty đại chúng chưa niêm yết bắt buộc phải lên sàn Up-Com hoặc hơn.
- Tiếp tục thực hiện đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa, thoái vốn nhà nước gắn liền với niêm yết qua Quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, thoái vốn gắn với niêm yết, đồng thời cho phép cơ chế doanh nghiệp nhà nước được thoái vốn dưới mệnh giá và giá trị sổ sách đã tạo sự linh hoạt trong việc cải cách sắp xếp doanh nghiệp nhà nước, góp phần hỗ trợ công tác huy động vốn, nâng cao sức cạnh tranh, tạo sự minh bạch của doanh nghiệp. Năm 2015, các hoạt động thoái vốn của SCIC ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường chung.

Trong năm vừa qua, DAS tiếp tục công tác tự tái cấu trúc và đã mang lại những kết quả rất đáng ghi nhận. Thu nhập của Khối Kinh doanh được gắn với doanh thu mang lại cho Công ty, Khối Vận hành được định biên sắp xếp lại và chuẩn hóa, hỗ trợ cho việc đẩy mạnh kinh doanh trong điều kiện cạnh tranh khốc liệt giữa các công ty chứng khoán khác và nâng cao quản trị rủi ro trong hoạt động của Công ty.

DAS vinh dự tiếp tục được Bộ Tài chính cấp phép thực hiện nghiệp vụ xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa trong năm 2016, tiếp tục khẳng định vị thế DAS là công ty chứng khoán hàng đầu trong lĩnh vực tư vấn tài chính doanh nghiệp nói riêng và nghiệp vụ ngân hàng đầu tư nói chung. Đồng thời, đây cũng là điều kiện thuận lợi để DAS triển khai dịch vụ tư vấn cổ phần hóa cho các doanh nghiệp Nhà nước khi Chính phủ quyết liệt đẩy mạnh quá trình cổ phần hóa các Tổng Công ty, Tập đoàn lớn trong năm 2015.

Một số thành tựu nổi bật trong năm 2015:

- Tái cấu trúc về mặt hoạt động, ổn định và tinh gọn cơ cấu tổ chức, nhân sự;
- Rà soát việc sử dụng hiệu quả chi phí;
- Chuẩn hóa và đẩy mạnh các mảng hoạt động kinh doanh chính (Môi giới, IB...), thoái vốn hiệu quả một số khoản đầu tư;
- Hệ thống hóa các sản phẩm, dịch vụ hỗ trợ phù hợp để phát triển các hoạt động kinh doanh chính;
- Ổn định nguồn vốn hỗ trợ các hoạt động cho vay ứng trước trực tuyến tiền bán chứng khoán, cho vay giao dịch ký quỹ;
- Tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị rủi ro trong hoạt động.
- DAS đã được HOSE vinh danh trong top 5 Công ty Chứng khoán tiêu biểu trong việc thực hiện nghiệp vụ Tư vấn niêm yết và đấu giá năm 2015.

2. Tình hình tài chính:

2.1. Tình hình tài sản:

Tổng tài sản năm 2015 của DAS đạt 343 tỷ đồng, trong đó tài sản ngắn hạn chiếm 73,1% với giá trị gần 251 tỷ đồng.

Tổng tài sản trong năm 2015 giảm 21,6 % so với cùng kỳ năm 2014, từ 437 tỷ đồng xuống còn 343 tỷ đồng. Trong đó, tài sản dài hạn giảm từ 102,2 tỷ đồng xuống còn 92,3 tỷ đồng, tương đương giảm 9,7%, tài sản ngắn hạn giảm từ 335 tỷ đồng xuống 251 tỷ đồng, tương ứng với mức giảm 25,1%. Nguyên nhân chủ yếu là do các khoản đầu tư ngắn hạn và phải thu ngắn hạn giảm đáng kể lần lượt 78,3% và 65,5% tại thời điểm 31/12/2015.

2.2. Tình hình nợ phải trả:

Kết thúc năm 2015, nợ phải trả của DAS gần 142 tỷ đồng, giảm nhẹ so với nợ phải trả năm 2014, chiếm khoảng 41% tổng nguồn vốn. Công ty hoàn toàn không có vay nợ ngắn hạn và dài hạn, các khoản nợ chủ yếu là khoản phải trả tiền giao dịch chứng khoán của nhà đầu tư.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2015 DAS đã có quyết định điều chỉnh cơ cấu tổ chức như sau:

- Hợp nhất Phòng Đầu tư và Phòng Phân tích thành Phòng Phân tích và Đầu tư.
- Phòng Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư: không còn tách riêng hai Bộ phận Tư vấn TCDN và Bộ phận M&A.
- Đổi tên Phòng Nghiệp vụ Môi giới thành Phòng Dịch vụ Khách hàng.
- Giữ nguyên Bộ phận Dịch vụ Hỗ trợ tài chính thuộc Phòng Dịch vụ khách hàng như thực tế hiện nay. Đổi tên Bộ phận Dịch vụ khách hàng trực thuộc Phòng Dịch vụ Khách hàng thành Bộ phận Hỗ trợ khách hàng.
- Đổi tên Nghiệp vụ/ Phòng Phát triển kinh doanh Môi giới thành Nghiệp vụ/ Phòng Môi giới.
- Phòng Tài chính Kế toán: tách thành ba Bộ phận trực thuộc gồm Bộ phận Tài chính, Bộ phận Kế toán nội bộ, Bộ phận Kế toán giao dịch.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

4.1. Tình hình kinh tế vĩ mô:

Bước sang năm 2016, nhằm tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, tạo nền tảng để tiếp tục tái cơ cấu nền kinh tế theo chiều hướng mũi nhọn chuyên sâu hơn, Chính phủ nhiều khả năng sẽ vẫn duy trì các chính sách tài khóa và tiền tệ theo chiều hướng linh hoạt hơn nhằm đẩy mạnh nâng cao năng lực cạnh tranh của Việt Nam trước các cơ hội và thách thức đang đến.

Bức tranh kinh tế 2016 Việt Nam được kỳ vọng sẽ tiếp tục phát triển.

Khu vực kinh tế FDI và xuất khẩu được dự báo sẽ tiếp tục là đầu tàu của sự phát triển của thị trường Việt Nam với kỳ vọng GDP đạt 7% dự trên việc các hiệp định FTAs, TPP, AEC,... được ký kết thành công. Các làn sóng đầu tư mới để đón đầu TPP đã có sự vận động rất tốt từ cuối năm 2015 đến nay từ Nhật Bản, Hàn Quốc,...

Tiêu dùng hộ gia đình cũng có thể sẽ phục hồi nhưng khó tăng mạnh như 2015, dù khủng hoảng kinh tế dần lùi xa, do mặt bằng giá cả các mặt hàng lương thực - thực

phẩm và giá xăng dầu đang thể hiện các dấu hiệu tạo đáy, và đã có sự phục hồi nhất định trở lại kể từ cuối năm 2015, song xu hướng tăng dần của thu nhập người tiêu dùng được dự báo sẽ có thể tiếp tục cải thiện chi tiêu, đóng góp lớn hơn vào mức tăng trưởng GDP chung.

Khu vực đầu tư tư nhân cũng có thể khởi sắc hơn trong năm 2015. Niềm tin vào triển vọng tăng trưởng kinh tế cao hơn, mặt bằng lãi suất ở mức thấp hơn, tình hình lạm phát, tỷ giá ổn định, thị trường tiêu thụ được mở rộng nhờ hội nhập và những cải cách mới đây về khuôn khổ pháp lý như Luật Doanh nghiệp sửa đổi, Luật Kinh doanh Bất động sản sửa đổi... sẽ là những nhân tố kích thích các doanh nghiệp tư nhân mạnh dạn vay vốn, mở rộng sản xuất kinh doanh trở lại.

Tuy nhiên cũng không thể loại trừ khả năng chi tiêu của Chính phủ có thể sẽ sụt giảm do tác động tiêu cực của việc giá dầu thô dù đang có dấu hiệu tạo đáy với các nỗ lực từ khối OPEC nhưng chưa thật sự thoát khỏi việc cung vượt cầu, áp lực về việc trả nợ công cũng sẽ ảnh hưởng mạnh đến các quyết sách của chính phủ.

Các rủi ro về biến động tỷ giá, dự báo là sẽ tiếp tục mất giá 5%, do FED đã tăng lãi suất đồng USD, kinh tế Trung Quốc với dự báo sẽ hạ cánh cứng kéo theo đồng RMB tiếp tục mất giá sẽ khiến hoạt động xuất – nhập khẩu của Việt Nam gặp không ít khó khăn.

Thị trường chứng khoán Việt Nam 2016 được dự báo sẽ còn tăng trưởng dựa trên mức P/E 11x khá thấp so với các nước trong khu vực. Dòng tiền của khối ngoại được kỳ vọng sẽ quay lại khi các cuộc bầu cử và cải cách của Chính phủ được hoàn thành. Tăng trưởng mạnh về kinh tế sẽ giúp hỗ trợ hoạt động các doanh nghiệp, tập trung vào các ngành có chu kỳ phát triển tương quan với sự cải thiện của nền kinh tế như: Bất động sản, vật liệu xây dựng, ô tô và phụ tùng, tiêu dùng và phi tiêu dùng, dệt may, Logistic,...

4.2. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

DAS sẽ tập trung đẩy mạnh phát triển hoạt động môi giới thông qua việc mở rộng khai thác các lợi thế về công nghệ, nhân sự, trình độ quản lý, cũng như sự hậu thuẫn từ ngân hàng mẹ, DongA Bank.

Phát triển đa dạng, phong phú các dịch vụ hỗ trợ, đi kèm với hoạt động môi giới, nhằm gia tăng các tiện ích cho khách hàng.

Duy trì hiệu quả hoạt động quản trị rủi ro, nhằm đảm bảo tuân thủ chặt chẽ các quy định của cơ quan quản lý, đồng thời kiểm soát được mức độ rủi ro cùng với quá trình mở rộng hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tiếp tục duy trì thế mạnh truyền thống trong nghiệp vụ ngân hàng đầu tư nhằm mở rộng các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp như tư vấn phát hành, niêm yết chứng khoán, và đặc biệt là nghiệp vụ tư vấn cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước, nhằm tiếp tục đón đầu chủ trương đẩy mạnh công tác cổ phần hóa trong thời gian tới của Chính phủ.

5. Giải trình của Ban lãnh đạo DAS đối với ý kiến kiểm toán

Ngày 03/03/2016, Đơn vị kiểm toán độc lập của Công ty TNHH Một Thành viên Chứng khoán Ngân hàng Đông Á (DAS) là Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y) đã hoàn tất thủ tục kiểm toán và phát hành Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015 cho DAS. Theo đó, E&Y đã đưa ra ý kiến kiểm toán ngoại trừ đối với khoản trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán vào Công ty Cổ phần Thương mại Thủy sản Á Châu (ACC) với số tiền là 18.429.842.140 đồng. Cùng với việc công bố thông tin về Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2015, DAS giải trình về ý kiến kiểm toán có ngoại trừ như sau:



Tại ngày 31/12/2015, DAS đang ghi nhận một khoản đầu tư vào ACC với giá trị là 30.860.999.556 đồng và DAS đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán theo đúng quy định tại Thông tư 228/2209/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài Chính với giá trị là 12.431.157.416 đồng.

Tuy nhiên, theo Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2014 của ACC, ACC đang có khoản lỗ lũy kế là 479.700.086.279 đồng và vốn chủ sở hữu âm 107.487.077.682 đồng nên theo nguyên tắc thận trọng, E&Y đề nghị DAS xem xét và trích lập dự phòng thêm vào ACC là 18.429.842.140 đồng để tổng số dư dự phòng trích cho khoản đầu tư vào ACC bằng giá trị đầu tư vào ACC là 30.860.999.556 đồng. Do trong năm 2015 DAS đã thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán đối với khoản đầu tư vào ACC theo đúng quy định như đã nêu trên nên DAS không thực hiện trích lập dự phòng thêm theo khuyến nghị của E&Y vào chi phí năm 2015 mà DAS sẽ xem xét trích lập dự phòng thêm cho khoản đầu tư này vào chi phí trong năm 2016.

IV. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

- Đơn vị kiểm toán độc lập: Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính riêng của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh riêng, tình hình lưu chuyển tiền tệ riêng và tình hình biến động vốn chủ sở hữu riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam, các quy định và hướng dẫn kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cơ sở của Ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Như được trình bày ở Thuyết minh số 6.2, tại ngày 31 tháng 12 năm 2015, Công ty đang ghi nhận một khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thủy sản Á Châu (“ACC”) với giá trị là 30.860.999.556 đồng và Công ty thực hiện trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán với giá trị là 12.431.157.416 đồng theo quy định tại Thông tư 228/2209/TT-BTC và Thông tư 89/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính. Dựa trên báo cáo tài chính đã kiểm toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, ACC đang có khoản lỗ lũy kế là 479.700.086.279 đồng và vốn chủ sở hữu âm 107.487.077.682 đồng. Do đó, toàn bộ giá trị khoản đầu tư của Công ty vào ACC có thể bị giảm giá và khoản dự phòng cần phải trích lập thêm là 18.429.842.140 đồng. Nếu Công ty trích lập đầy đủ dự phòng khoản đầu tư theo tình hình tài chính của ACC thì số dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn và số lỗ lũy kế của Công ty sẽ tăng thêm là 18.429.842.140 đồng, đồng thời vốn chủ sở hữu của Công ty sẽ giảm đi bằng đúng số tiền này tại ngày 31 tháng 12 năm 2015.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	3	4
A. Tài sản ngắn hạn	100		250.597.034.976	334.939.433.642
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	173.471.849.411	71.969.864.774
1. Tiền	111		129.471.849.411	71.969.864.774
2. Các khoản tương đương tiền	112		44.000.000.000	
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.04	23.750.003.625	109.510.310.702
1. Đầu tư ngắn hạn	121		51.244.999.258	147.208.005.178
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn (*)	129		(27.494.995.633)	(37.697.694.476)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	52.647.512.620	152.749.269.963
1. Phải thu của khách hàng	131		2.326.662.557	1.681.434.580
2. Trả trước cho người bán	132		88.550.000	149.420.205
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		97.017.109.473	156.488.417.540
5. Các khoản phải thu khác	138		67.590.590	5.106.677.638
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(46.852.400.000)	(10.676.680.000)
IV. Hàng tồn kho	140	V.02		
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		727.669.320	709.988.203
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		241.751.091	212.471.474
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152			
3. Thuế và các khoản phải thu nhà nước	154		460.438.229	460.438.229
4. Giao dịch mua bán trái phiếu chính phủ	157			
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		25.480.000	37.078.500
B. Tài sản dài hạn	200		92.308.525.102	102.256.617.011
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	V.11		
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212			
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213			
4. Phải thu dài hạn khác	218			
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		1.233.829.591	2.135.019.068
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	98.724.591	249.771.456
- Nguyên giá	222		13.969.657.098	15.716.076.811

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(13.870.932.507)	(15.466.305.355)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	1.135.105.000	1.885.247.612
- Nguyên giá	228		14.916.019.704	14.856.019.704
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(13.780.914.704)	(12.970.772.092)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230			
III. Bất động sản đầu tư	240			
- Nguyên giá	241			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242			
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		81.782.640.916	92.048.166.816
1. Đầu tư vào công ty con	251		30.000.000.000	30.000.000.000
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252			
3. Đầu tư chứng khoán dài hạn	253			89.912.045.756
- Chứng khoán sẵn sàng để bán	254			89.912.045.756
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
4. Đầu tư dài hạn khác	258	V.04	151.910.316.756	40.791.796.000
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		(100.127.675.840)	(68.655.674.940)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.292.054.595	8.073.431.127
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	77.661.798	278.183.492
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.09		
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263	V.10	9.214.392.797	7.795.247.635
4. Tài sản dài hạn khác	268			
Tổng cộng tài sản	270		342.905.560.078	437.196.050.653
A. Nợ phải trả	300		141.732.319.209	154.496.025.973
I. Nợ ngắn hạn	310		141.732.319.209	154.496.025.973
1. Vay và nợ ngắn hạn	311			
2. Phải trả người bán	312		105.006.773	590.429.546
3. Người mua trả tiền trước	313		1.963.662.000	2.333.662.000
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.08	1.025.904.106	1.474.354.103
5. Phải trả người lao động	315		1.504.721.564	
6. Chi phí phải trả	316	V.12	30.164.000	17.082.000
7. Phải trả nội bộ	317			
8. Phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.13	15.729.919.514	20.355.737.298
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		118.049.743.705	126.632.406.214
10. Phải trả hệ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		2.929.291.284	2.569.487.944
11. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	322			

Handwritten signature and date
20

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		393.906.263	516.806.263
13. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327			
14. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	328			6.060.605
15. Dự phòng phải trả ngắn hạn	329			
II. Nợ dài hạn	330			
1. Phải trả dài hạn người bán	331			
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.14		
3. Phải trả dài hạn khác	333			
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.15		
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.09		
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336			
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337			
8. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	338			
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339			
10. Dự phòng bồi thường thiệt hại cho nhà đầu tư	359			
B. Vốn chủ sở hữu	400		201.173.240.869	282.700.024.680
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		500.000.000.000	500.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413			
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414			
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415			
6. Chênh lệch tỷ giá hoái đổi	416			
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		3.139.071.388	3.139.071.388
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.902.712.768	8.902.712.768
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		17.534.075.535	17.534.075.535
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(328.402.618.822)	(246.875.835.011)
Tổng cộng nguồn vốn	440		342.905.560.078	437.196.050.653

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1. Doanh thu	01		55.698.337.486	61.269.228.038
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		22.482.043.010	25.070.338.192
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		8.605.518.312	7.755.513.263
- Doanh thu bảo lãnh phát hành chứng khoán	01.3		-	1.447.441.200
- Doanh thu đại lý phát hành chứng khoán	01.4		428.506.968	363.154.825
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		8.806.339.922	8.385.170.767
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6		1.649.127.521	2.291.785.841
- Doanh thu khác	01.9		13.726.801.753	15.955.823.950
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		55.698.337.486	61.269.228.038
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11		95.456.989.115	171.099.604.651
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		(39.758.651.629)	(109.830.376.613)
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		42.495.404.909	74.819.423.754
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(82.254.056.538)	(184.649.800.367)
8. Thu nhập khác	31		727.272.727	15.454.545
9. Chi phí khác	32		-	-
10. Lợi nhuận khác	40		727.272.727	15.454.545
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(81.526.783.811)	(184.634.345.822)
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.1	-	-
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.2	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(81.526.783.811)	(184.634.345.822)
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
1	2	3	4	5
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ hoạt động kinh doanh	01		68.577.332.773	106.300.001.668
2. Tiền chi hoạt động kinh doanh	02		(10.723.085.081)	(32.857.167.037)
3. Tiền chi nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	05		(1.419.145.162)	(134.977.444)
4. Tiền thu giao dịch chứng khoán khách hàng	06		257.341.977.065	66.028.455.818
5. Tiền chi trả giao dịch chứng khoán khách hàng	07		(272.423.255.602)	(109.760.743.839)
6. Tiền thu bán chứng khoán phát hành	08			-
7. Tiền chi trả tổ chức phát hành chứng khoán	09			-
8. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	10		(3.062.729.760)	(5.842.431.931)
9. Tiền chi trả cho người lao động	11		(16.659.078.986)	(13.927.864.313)
10. Tiền chi trả lãi vay	12			-
11. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	13			-
12. Tiền thu khác	14		14.381.363.883	279.563.845
13. Tiền chi khác	15		1.157.161.876	(44.497.843.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		37.170.541.006	(34.413.006.892)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				-
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(60.000.000)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		727.272.727	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(393.750.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		12.593.750.000	1.537.500.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.894.558.324	2.833.335.121

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2015	Năm 2014
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		16.761.831.051	4.370.835.121
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				-
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33			-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34			-
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35			-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36			-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40			-
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		53.932.372.057	(30.042.171.771)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		1.851.842.350	31.894.014.121
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	VII.34	55.784.214.407	1.851.842.350

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2015

I. Đặc điểm hoạt động của công ty

- 1 - Hình thức sở hữu vốn: Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- 2 - Lĩnh vực kinh doanh: Môi giới chứng khoán, Tự doanh chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán.
- 3 - Tổng số nhân viên và người lao động: 77 người
- 4 - Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính: không có

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

- 1 - Kỳ kế toán năm (bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm)
- 2 - Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

Nguyên tắc, phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác: các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

- 1 - Chế độ kế toán áp dụng: Chế độ Công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2008 và Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20 tháng 10 năm 2010 của Bộ Tài chính về hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư số 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính.
- 2 - Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán: Công ty tuân thủ nguyên tắc kế toán và phương pháp kế toán quy định tại Luật Kế toán, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các văn bản pháp luật có liên quan và các quy định cụ thể của Thông tư 95/2008/TT-BTC và Thông tư số 95/2008/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành.
- 3 - Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung.

IV. Các chính sách kế toán áp dụng

- 1- Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền.

Phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán.

Các đồng tiền khác phát sinh phải được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh, hoặc theo tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- 2- Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ (hữu vô hình, thuê tài chính):

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình: Ghi nhận theo nguyên giá. Trong Bảng Cân đối kế toán được phản ánh theo 3 chỉ tiêu: Nguyên giá, hao mòn lũy kế, giá trị còn lại

+ Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ thuê tài chính: Ghi nhận theo nguyên giá thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

+ Phương pháp khấu hao TSCĐ: áp dụng phương pháp khấu hao đường thẳng. Tỉ lệ khấu hao TSCĐ theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

- 3- Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính:

- Các khoản đầu tư vào công ty con: Ghi nhận theo giá gốc

- Các khoản vốn góp liên doanh: Ghi nhận theo giá gốc

- Các khoản đầu tư chứng khoán: Ghi nhận theo giá gốc

- Các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác: Ghi nhận theo giá gốc

- Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn:

+ Đối với các khoản đầu tư ngắn hạn: Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị thị trường thấp hơn giá trị ghi sổ. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc kỳ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của cổ phiếu với giá trị thực tế trên thị trường tại ngày có giao dịch gần nhất nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư 146/2014/TT-BTC.

+ Đối với các khoản đầu tư dài hạn: Dự phòng giảm giá được lập nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 6 năm 2013. Theo đó, mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ Vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

4- Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí khác

- Chi phí trả trước: được vốn hóa để phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh

- Chi phí khác:

- Phương pháp phân bổ chi phí trả trước: Phương pháp đường thẳng

5- Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả: Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

6- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả: Công ty ghi nhận dự phòng phải trả khi có nghĩa vụ nợ hiện tại phát sinh từ các sự kiện đã qua và việc thanh toán khoản phải trả này dẫn đến sự giảm sút về lợi ích kinh tế của Công ty

7- Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

- Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn cổ phần, vốn khác của chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch đánh giá lại tài sản.

- Nguyên tắc ghi nhận chênh lệch tỷ giá.

- Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên Bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay.

8- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu : Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá.

9- Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN. Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại

10- Các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái.

	Cuối kỳ	Đầu năm
01. Tiền và tương đương tiền		
- Tiền mặt	15.603.493	23.660.641
- Tiền gửi ngân hàng	129.448.901.019	71.936.074.771
Trong đó:		
+ Tiền gửi của nhà đầu tư	117.717.508.829	70.118.641.297
- Tiền đang chuyển	-	-
- Tiền gửi về bán chứng khoán bảo lãnh phát hành	1.574.324	1.618.564
- Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	5.770.575	8.510.798
Các khoản tương đương tiền	44.000.000.000	-
Cộng	173.471.849.411	71.969.864.774
	Cuối kỳ	Đầu năm
02. Hàng tồn kho		
- Nguyên liệu, vật liệu	-	-
- Công cụ, dụng cụ	-	-
Cộng	0	0

* Thuyết minh số liệu và giải trình khác
(nếu có):

C
H
H
H
H
N
P
H

03. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ:

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Cửa công ty chứng khoán	5.595.913	76.918.882.420
- Cổ phiếu	5.595.913	76.918.882.420
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác		
b) Cửa nhà đầu tư	734.930.651	12.917.860.065.000
- Cổ phiếu	734.908.091	12.917.653.888.000
- Trái phiếu		
- Chứng khoán khác	22.560	206.177.000
Tổng cộng	740.526.564	12.994.778.947.420

04. Tình hình đầu tư tài chính

Chỉ tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường	Ghi chú
			Tăng	Giảm		
I. Chứng khoán thương mại	3.720.660	51.244.999.258				
II. Chứng khoán đầu tư						
- Chứng khoán sẵn sàng để bán						
- Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn	-	-				
III. Đầu tư góp vốn		30.000.000.000				
- Đầu tư vào công ty con	-	30.000.000.000				
- Vốn góp liên doanh, liên kết	-	-				
IV. Đầu tư tài chính khác	7.280.784	151.910.316.756				

05. Tình hình tăng, giảm tài sản cố định hữu hình:

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ hữu hình						
Số dư đầu năm	1.325.552.000	745.181.746	4.160.802.434	9.085.082.059	399.458.572	15.716.076.811
- Mua trong kỳ				0		0
- Đầu tư XD CB hoàn thành						0
- Tăng khác		0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán		0	1.746.419.713	0		1.746.419.713
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	1.325.552.000	745.181.746	2.414.382.721	9.085.082.059	399.458.572	13.969.657.098
Giá trị hao mòn lũy kế						0
Số dư đầu năm	1.251.137.000	711.292.381	4.160.802.434	8.980.490.668	362.582.872	15.466.305.355
- Khấu hao trong kỳ	35.736.000	32.251.365	0	55.387.500	27.672.000	151.046.865
- Tăng khác		0	0	0	0	0
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						0
- Thanh lý, nhượng bán		0	1.746.419.713	0		1.746.419.713
- Giảm khác	0	0	0	0	0	0
Số dư cuối kỳ	1.286.873.000	743.543.746	2.414.382.721	9.035.878.168	390.254.872	13.870.932.507
Giá trị còn lại						0
- Tại ngày đầu năm	74.415.000	33.889.365	0	104.591.391	36.875.700	249.771.456
- Tại ngày cuối kỳ	38.679.000	1.638.000	0	49.203.891	9.203.700	98.724.591

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Quyền phát hành	Bản quyền, bằng sáng chế	Phần mềm máy vi tính	TSCĐ vô hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá TSCĐ vô hình						
Số dư đầu năm				8.236.938.944	6.619.080.760	14.856.019.704
- Mua trong kỳ				60.000.000		60.000.000
- Tạo ra từ nội bộ doanh nghiệp						0
- Tăng do hợp nhất kinh doanh						0
- Tăng khác					0	0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác					0	0
Số dư cuối kỳ				8.296.938.944	6.619.080.760	14.916.019.704
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm				6.386.132.332	6.584.639.760	12.970.772.092
- Khấu hao trong kỳ				775.701.612	34.441.000	810.142.612
- Tăng khác					0	0
- Thanh lý, nhượng bán						0
- Giảm khác					0	0
Số dư cuối kỳ				7.161.833.944	6.619.080.760	13.780.914.704
Giá trị còn lại				0	0	0
- Tại ngày đầu năm				1.850.806.612	34.441.000	1.885.247.612
- Tại ngày cuối kỳ				1.135.105.000	0	1.135.105.000



	Cuối kỳ	Đầu năm
07. Chi phí trả trước dài hạn		
- Chi phí trả trước về thuê hoạt động TSCĐ	-	-
- Chi phí thành lập doanh nghiệp	-	-
- Chi phí nghiên cứu có giá trị lớn	-	-
- Chi phí cho giai đoạn triển khai không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là TSCĐ vô hình	-	-
- Chi phí trả trước về hoạt động kinh doanh chứng khoán	77.661.798	278.183.492
Cộng	77.661.798	278.183.492
08. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	325.075.010	588.005.840
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	-
- Thuế thu nhập cá nhân	700.829.096	886.348.263
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-
- Các loại Thuế khác	-	-
- Các khoản phí, lệ phí và Các khoản phải nộp khác	-	-
Cộng	1.025.904.106	1.474.354.103
09. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả		
a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại:	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Tài sản Thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản ưu đãi tính thuế chưa sử dụng	-	-
- Khoản hoàn nhập tài sản Thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước	-	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
b. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	Cuối kỳ	Đầu năm
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ Các khoản chênh lệch tạm thời chịu Thuế	-	-
- Khoản hoàn nhập Thuế thu nhập hoãn lại phải trả đã được ghi nhận từ Các năm trước	-	-
- Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
10. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	Cuối kỳ	Đầu năm
- Tiền nộp ban đầu	120.000.000	120.000.000
- Tiền nộp bổ sung	6.624.386.707	5.652.288.222

T. T. TY HUU VIEN AN A TSM

- Tiền lãi phân bổ trong kỳ

2.470.006.090 2.022.959.413

Cộng

9.214.392.797 7.795.247.635

11. Các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	Số dư đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Tổng số	Tăng	Giảm	Tổng số
A	1	4	5	6
1. Phải thu của khách hàng	1.681.434.580	11.216.590.826	10.571.362.849	2.326.662.557
2. Trả trước cho người bán	149.420.205	311.240.840	372.111.045	88.550.000
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	156.488.417.540	2.172.372.595.096	2.231.843.903.163	97.017.109.473
- Phải thu Sở giao dịch chứng khoán	0	404.510.540	404.510.540	0
- Phải thu về hoạt động ứng trước và GDKQ cho nhà đầu tư	98.855.142.439	1.229.349.802.736	1.279.697.849.597	48.507.095.578
- Phải thu từ hoạt động giao dịch chứng khoán	10.780.875.101	936.528.281.820	947.147.793.026	161.363.895
- Phải thu khách hàng về mua bán chứng khoán	46.852.400.000	6.090.000.000	4.593.750.000	48.348.650.000
4. Thuế GTGT được khấu trừ	0	390.474.617	390.474.617	0
5. Phải thu nội bộ	0	12.836.347.353.100	12.836.347.353.100	0
6. Phải thu khác	5.106.677.638	741.551.735.441	746.590.822.489	67.590.590
Phải thu từ các hoạt động đầu tư	0			0
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.106.677.638	741.551.735.441	746.590.822.489	67.590.590
7. Dự phòng phải thu khó đòi	(10.676.680.000)	(36.175.720.000)		(46.852.400.000)
Tổng cộng	152.749.269.963	15.798.365.709.920	15.826.116.027.263	52.647.512.620

12. Chi phí phải trả:

Cuối kỳ

Đầu năm

- Trích trước chi phí tiền điện

20.000.000

12.000.000

- Trích trước chi phí bảo vệ

10.164.000

5.082.000

Cộng

30.164.000

17.082.000

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác:

Cuối kỳ

Đầu năm

- Tài sản thừa chờ giải quyết

-

-

- Kinh phí công đoàn	136.414.500	88,332,750
- Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	34.756.705	97,640,029
- Bảo hiểm thất nghiệp	8.495.898	6,646,967
- Doanh thu chưa thực hiện	0	6,060,605
- Hợp tác kinh doanh	0	0
- Đầu giá bán cổ phần	809.696.500	183,700,500
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	14.740.555.911	67,645,935
Cộng	15,729,919,514	450.026.786

14. Phải trả dài hạn nội bộ:

	Cuối kỳ	Đầu năm
- Vay dài hạn nội bộ	-	-
- Phải trả dài hạn nội bộ khác	-	-
Cộng	-	-

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

1- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (Mã số 51)

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu Thuế năm hiện hành	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí Thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

2- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại (Mã số 52)

	Kỳ này	Kỳ trước
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ Các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
- Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
- Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

1. Thông tin về các giao dịch không bằng tiền phát sinh trong năm báo cáo:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Việc mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính;	-	-
- Việc chuyển nợ thành vốn chủ sở hữu.	-	-

2. Các khoản tiền và tương đương tiền doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng:

	Kỳ này	Kỳ trước
- Các khoản tiền nhận ký quỹ, ký cược	-	-
- Các khoản khác	-	-

VIII- Những thông tin khác

1- Thông tin về các bên liên quan:

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các bên liên quan trong năm bao gồm:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>Năm nay</i>	<i>Năm trước</i>
				<i>VND</i>
Ngân hàng	Công ty mẹ	Lãi tiền gửi	58.504.473	208.084.183
Thương mại		Phí chuyển tiền	22.696.040	11.835.214
Cổ phần				
Đông Á		Tặng tiền gửi của nhà đầu tư	4.259.565.742.777	942.385.128.556
("DAB")		Giảm tiền gửi của nhà đầu tư	4.199.842.611.929	922.279.553.923
		Gửi tiền vào tài khoản thanh toán của Công ty	1.896.917.868.231	415.300.509.570
		Rút tiền từ tài khoản thanh toán của Công ty	1.887.428.059.805	415.073.958.995
		Rút tiền từ tài khoản tiền gửi có kỳ hạn của Công ty	-	31.300.000.000
Công ty CP vàng bạc đá quý Phú Nhuận ("PNJ")	Cổ đông lớn của Công ty mẹ	Cổ tức trong năm	1.500	1.048.067.600
Ban Tổng Giám đốc		Thu nhập	1.726.697.042	1.190.073.897

Tại thời điểm cuối năm, Công ty có các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>	<i>Nội dung nghiệp vụ</i>	<i>VND</i>	
			<i>Số cuối năm</i>	<i>Số đầu năm</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á (“DAB”)	Công ty mẹ	Tiền gửi của nhà đầu tư	73.476.964.610	13.753.833.762
		Tiền gửi của Công ty	10.697.032.467	1.207.224.041
		Phải trả hộ cổ tức	1.018.072.821	1.051.070.976
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Đầu tư Chứng khoán Đông Á (“DAC”)	Công ty con	Tài khoản tiền gửi giao dịch chứng khoán	861.402.363	-
		Phải trả khác	(169.573.214)	(297.187.650)

- 2- Thông tin so sánh (những thay đổi về thông tin trong báo cáo tài chính của các niên độ kế toán trước)
- 3- Những thông tin khác: không có

**CÔNG TY CHỨNG KHOÁN NGÂN HÀNG ĐÔNG Á
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



TRƯƠNG NGUYỄN THIÊN KIM